

意：

应遵守自学
有关规定，
意以下几

不能携带与
目关的材料
备参加考
带手机等
接收信息
备，否则视

核对试卷
科目是
数是否缺
题请举手

证号

号

名

错或漏写
座号、姓
者，未在
考试者，
试违纪，
的考试成

试作弊者，
科成绩无

订线内不
订线外不
标记。

试结束前
后才可以
开考场后
考场参加

能将试卷、
卡、草稿
。

机密★启用前

2020年10月高等教育自学考试全国统一考试
(00625号) 越语语法(笔试) 试卷

(考试时间40分钟。录音只允许连续不断地播放一遍)

题号	一	二	三	四
题分	15	10	5	20
得分				

座号
(考生填)

总分	合计人	核分人

得分	评卷人	复查人

一、越语听写(本大题共15小题，每小题1分，共15分)
每个音节读三遍，读完后有5秒钟答题时间。

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.
- 6.
- 7.
- 8.
- 9.

- 10.
- 11.
- 12.
- 13.
- 14.
- 15.

得分	评卷人	复查人

二、中越文单词互译。(本大题共10小题，每小题1分，共10分) 请将下列越(中)文单词翻译成中(越)文。

16. bao nhiêu
17. bệnh viện
18. phong bì
19. Thủ đô
20. cô giáo
21. 书记
22. 走廊
23. 宿舍
24. 工具
25. 明天

得分	评卷人	复查人

三、改错题。(本大题共 5 小题，每小题 1 分，共 5 分)
用越语写出正确的答案。

26. ge

27. tả

28. khy

29. ci

30. ngi

得分	评卷人	复查人

四、中越文短句互译。(本大题共 10 小题，每小题 2 分，共 20 分) 请将下列中(越)文句子翻译成越(中)文。

31. 你是哪国人?

32. 7 点了，咱们去吃早餐吧。

33. 今天星期几? 今天星期一。

34. 你叫什么名字? 我叫许勇。

35. 时间到了，今天学到这里。

36. Chị Lê là ca sĩ, chú Ba là nghệ sĩ.

37. Các bạn sống ở đây có vui không? Đã quen chưa?

38. Tóc của tôi dài rồi, tôi muốn đi cắt tóc.

39. Bây giờ ta họp, thảo luận vấn đề học tập.

40. Tôi vừa đi thư viện mượn sách.

— 装 订 线 内 请 勿 答 题 —

意：

应遵守自学
有关规定，
注意以下几

不能携带与
相关的材料
备参加考
携带手机等
或接收信息
备，否则视

请核对试卷
的科目是
页数是否缺
页请举手

证号

券号

名

错或漏写
座号、姓
名者，未在
开考者，
考试违纪，
目的考试成

试作弊者，
科目成绩无

订线内不
订线外不
卡标记。
试结束前
后才可以
开考后
考场参加

能将试卷、
答题卡、草稿
纸。

机密★启用前

2020年10月高等教育自学考试全国统一考试
(00625号) 越语语法(口试) 试卷

(考试时间15分钟，其中5分钟准备，10分钟正式考试)

座号	
(考生填)	

一、朗读音节(本大题共15小题，每小题1分，共15分)

- | | | | | |
|---------|---------|---------|---------|----------|
| 1. kh | 2. â | 3. qu | 4. o | 5. ng |
| 6. ec | 7. ung | 8. ăm | 9. ut | 10. on |
| 11. oeo | 12. uóc | 13. iêp | 14. ươu | 15. uyêt |

二、朗读词语(本大题共20小题，每小题1分，共20分)

- | | | | | |
|----------------|---------------|--------------|-----------------|-----------------|
| 16. sức mạnh | 17. nhà thơ | 18. kỹ sư | 19. tinh thần | 20. xanh hóa |
| 21. sữa tươi | 22. sâu riêng | 23. thắc mắc | 24. ra-đi-ô | 25. chăm chỉ |
| 26. chính trực | 27. bưu điện | 28. Ô nhiễm | 29. kinh nghiệm | 30. màn thầu |
| 31. điện thoại | 32. trôi chảy | 33. quét nhà | 34. chủ nhật | 35. Căm-pu-chia |

三、朗读句子(本大题共5小题，每小题3分，共15分)

- Mọi người đều có nghĩa vụ giữ gìn của công.
- Bữa sáng tôi chỉ ăn nhẹ thôi, có một tí vào bụng thì được rồi.
- Quảng Tây còn trồng được nhiều quả vải, nhãn, xoài v.v...
- Trên lớp, chúng ta chú ý nghe giảng, nắm vững những vấn đề chính.
- Từ đây ra trung tâm thành phố đi xe số mấy anh nhỉ?